



TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC

ISSN: 1859-1612

Journal homepage: <https://tckhgd.dhsphue.edu.vn>

Thực trạng quản lý hoạt động đào tạo điều dưỡng viên ở trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên

Nguyễn Thị Tường Vy

Trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO

*Quá trình xử lý:**Ngày nhận bài:* 29/9/2024*Ngày nhận bản chỉnh sửa:* 11/12/2024*Ngày nhận đăng:* 12/12/2024*Ngày xuất bản:* 20/12/2025*Từ khóa:**Quản lý**Hoạt động đào tạo**Quản lý hoạt động đào tạo điều dưỡng viên**Trường cao đẳng*

TÓM TẮT

Đào tạo là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học. Hơn nữa, chỉ có đổi mới quản lý đào tạo mới nâng cao chất lượng đào tạo. Bởi vì thông qua quản lý đào tạo, việc thực hiện các mục tiêu đào tạo, các chủ trương, chính sách quốc gia mới được triển khai và thực hiện có hiệu quả. Bài viết này trình bày thực trạng quản lý hoạt động đào tạo điều dưỡng viên của trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên. Phương pháp nghiên cứu chủ đạo là phiếu khảo sát ý kiến trên trên 10 cán bộ quản lý và 35 giảng viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý hoạt động đào tạo điều dưỡng viên ở trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên hiện nay đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả công tác quản lý vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc nghiên cứu thực trạng là căn cứ quan trọng để chúng tôi đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo điều dưỡng viên của nhà trường.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế tất yếu của sự phát triển, tác động ngày càng mạnh mẽ lên giáo dục, đòi hỏi giáo dục Việt Nam phải tìm ra những giải pháp cơ bản nhằm nắm bắt thời cơ và vượt qua nhiều thách thức. Một trong những những giải pháp cơ bản hàng đầu là đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, đào tạo cao đẳng – đại học nói riêng. Trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được, chất lượng và hiệu quả đào tạo cao đẳng – đại học, trong đó có đào tạo ngành điều dưỡng ở nước ta vẫn còn hạn chế, bất cập. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) đã nhận định: “Chất lượng, hiệu quả GD&ĐT còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, quản lý giáo dục (QLGD) còn nhiều yếu kém. Công tác quản lý chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức”. Nghị quyết cũng chỉ rõ phải “Đổi mới căn bản công tác QLGD, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013).

Đào tạo là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học. Hơn nữa, chỉ có đổi mới quản lý đào tạo mới nâng cao chất lượng đào tạo. Bởi vì thông qua quản lý đào tạo, việc thực hiện các mục tiêu đào tạo, các chủ trương, chính sách quốc gia mới được triển khai và thực hiện có hiệu quả.

Điều dưỡng là nguồn lực quan trọng trong hệ thống y tế, có mối liên hệ chặt chẽ và không thể thiếu đối với các thành phần khác của hệ thống y tế, là yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo hiệu quả và chất lượng dịch vụ y tế, tăng cường việc chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của mỗi quốc gia (Phí, 2010). Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, khi chính phủ đã ký kết thỏa thuận chung thừa nhận lẫn nhau với các quốc gia trong ASEAN về việc công nhận điều dưỡng trong khu vực. Đây là một cơ hội lớn giúp cho điều dưỡng

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tường Vy;*Địa chỉ e-mail:* tuongvy69089@gmail.com*DOI:* <https://doi.org/10.26459/jse.119.2025>

Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế, đồng thời cũng là thách thức đối với điều dưỡng Việt Nam nếu không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn và tay nghề sẽ khó cạnh tranh với điều dưỡng trong khu vực và thế giới (Bộ Y tế, 2011). Do vậy, việc đào tạo trình độ cao đẳng, đại học ngành điều dưỡng ở Việt Nam có chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, thị trường và hội nhập quốc tế đang là vấn đề cấp thiết hiện nay. Mặt khác đứng trước tình hình bệnh tật, dịch bệnh ngày càng phức tạp rất cần các y bác sỹ và điều dưỡng tham gia vào công tác khám chữa bệnh và chăm sóc cho người bệnh; do vậy vai trò của ngành Y tế trong đó có nguồn nhân lực điều dưỡng ngày càng có vị trí đặc biệt quan trọng.

Trong những năm qua, công tác quản lý hoạt động đào tạo (HĐĐT) của trường Cao đẳng bách khoa (CĐBK) Tây Nguyên nói chung đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng để đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn và những yêu cầu đổi mới GD&ĐT trong giai đoạn mới, công tác đào tạo điều dưỡng viên cũng cần được đổi mới để góp phần thúc đẩy tiến trình đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của trường CĐBK Tây Nguyên. Để nâng cao hiệu quả HĐĐT điều dưỡng viên của nhà trường, cần phải có những biện pháp quản lý mang tính khoa học và thực tiễn.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên 10 cán bộ quản lý (CBQL) và 35 giảng viên (GV) ở trường CĐBK Tây Nguyên.

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo là điều tra thông qua bảng hỏi nhằm thu được những dữ liệu của các đối tượng trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý HĐĐT điều dưỡng viên ở trường CĐBK Tây Nguyên. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5 (được quy ước cụ thể tại các bảng số liệu). Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và tỉ lệ % của mỗi nội dung qua phần mềm SPSS 26.0. Áp dụng công thức tính giá trị khoảng cách (Maximum – Minimum)/n cho giá trị $(5-1)/5 = 0,8$. Theo đó, giá trị các khoảng như sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Không bao giờ/ Kém; $1,81 \leq \text{ĐTB} \leq 2,60$: Hiếm khi/ Yếu; $2,61 \leq \text{ĐTB} \leq 3,40$: Thỉnh thoảng/ Trung bình; $3,41 \leq \text{ĐTB} \leq 4,20$: Thường xuyên/ Khá; $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$: Rất thường xuyên/ Tốt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý nội dung, chương trình đào tạo

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý nội dung, chương trình đào tạo

TT	Quản lý nội dung, chương trình đào tạo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng các tiêu chí xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên.	4,20	0,625	4,13	0,661
2	Xây dựng quy trình xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên.	2,67	0,798	3,11	0,910
3	Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên.	3,20	0,405	3,31	0,468
4	Tổ chức và chỉ đạo thực hiện đúng quy trình xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên.	3,82	0,442	3,80	0,457
5	Giám sát thực hiện quy trình, kế hoạch xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên.	3,82	0,490	3,84	0,475

Từ bảng 1 cho thấy rằng, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện quản lý nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên tại trường được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau. Với ĐTB dao động từ 2,67 đến 4,20, có thể kết luận rằng hầu hết các nội dung quản lý được thực hiện ở mức độ từ “thỉnh thoảng” đến “thường xuyên” và kết quả đạt được chủ yếu ở mức “trung bình” đến “khá”. Cụ thể: Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng các tiêu chí xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên” (ĐTB: 4,20 - Thường xuyên). Số liệu này chỉ ra rằng nhà trường đã thường xuyên thực hiện việc xây dựng các tiêu chí để điều chỉnh chương trình đào tạo điều dưỡng viên. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc định hướng rõ ràng các tiêu chí, giúp đảm bảo nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Kết quả thực hiện cũng đạt mức khá với ĐTB 4,13, phản ánh rằng quá trình này không chỉ được thực hiện đều đặn mà còn mang lại kết quả tích cực, tạo nền tảng cho chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, các nội dung sau cũng ở mức thường xuyên: “Giám sát thực hiện quy trình, kế hoạch xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,82 - Thường xuyên); “Tổ chức và chỉ đạo thực hiện đúng quy trình xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,82 - Thường xuyên).

Tuy nhiên vẫn còn nội dung chỉ ở mức thỉnh thoảng: “Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,20 - Thỉnh thoảng). Nội dung này có ĐTB nằm trong mức “thỉnh thoảng,” cho thấy việc tổ chức tập huấn cho cán bộ chưa được thực hiện thường xuyên; “Xây dựng quy trình xây dựng và điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo điều dưỡng viên” (ĐTB: 2,67 - Thỉnh thoảng). Đây là nội dung có mức độ thực hiện thấp nhất. với số liệu này có thể thấy việc xây dựng quy trình cho việc điều chỉnh nội dung đào tạo vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Kết quả thực hiện chỉ đạt 3,11, nằm trong mức “trung bình,” phản ánh rằng hiệu quả của quá trình này chưa cao.

Nhìn chung, quản lý nội dung và chương trình đào tạo điều dưỡng viên ở Trường CĐBK Tây Nguyên đã đạt mức độ khá cao về hiệu quả thực hiện, với hầu hết các nội dung đạt mức “khá” trong kết quả. Tuy nhiên, có một số công việc cần được cải thiện, đặc biệt là việc xây dựng quy trình và tổ chức các chương trình bồi dưỡng cán bộ, để đảm bảo chất lượng trong đào tạo điều dưỡng viên ngày càng được nâng cao.

3.2. Thực trạng quản lý đội ngũ giảng viên

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV quản lý đội ngũ GV

TT	Quản lý đội ngũ giảng viên	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng chuẩn chức danh GV dựa trên quy định chung và chiến lược phát triển của nhà trường.	3,22	0,823	3,18	0,684
2	Xây dựng quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng và bổ nhiệm GV đáp ứng chuẩn chức danh.	4,07	0,688	4,00	0,707
3	Phổ biến, giúp viên chức thông hiểu chuẩn chức danh và quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng, bổ nhiệm các chức danh.	4,20	0,548	4,13	0,625
4	Tổ chức thực hiện quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng và bổ nhiệm theo hướng chuẩn hóa.	4,09	0,417	3,73	0,654
5	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng và bổ nhiệm GV đáp ứng chuẩn chức danh.	3,73	0,580	3,51	0,626

Từ bảng 2 có thể thấy rằng việc quản lý đội ngũ GV trong HĐĐT điều dưỡng viên được thực hiện với các mức độ khác nhau và kết quả đạt được cũng không đồng đều. Mức độ thực hiện dao động từ 3,22 đến 4,20, trong khi kết quả thực hiện dao động từ 3,18 đến 4,13. Điều này cho thấy sự phân hóa trong việc quản lý, từ việc tổ chức đến kiểm tra và đánh giá quy trình. Nội dung “Phổ biến, giúp viên chức thông hiểu chuẩn chức danh và quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng, bổ nhiệm các chức danh” (ĐTB: 4,20 - Thường xuyên). Nội dung này có mức độ thực hiện cao nhất. Việc phổ biến và giúp viên chức nắm rõ các quy trình liên quan đến chức danh và tuyển dụng, bổ nhiệm là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo sự minh bạch và nhất quán trong công tác quản lý đội ngũ GV. Kết quả thực hiện đạt 4,13, cũng ở mức “khá,” phản ánh rằng những nỗ lực trong việc phổ biến và thông hiểu các chuẩn mực này đã mang lại hiệu quả tích cực, góp phần vào sự phát triển chất lượng đội ngũ GV. Nội dung cũng được đánh giá cao là “Tổ chức thực hiện quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng và bổ nhiệm theo hướng chuẩn hóa” (ĐTB: 4,09 - Thường xuyên). Nội dung này cũng được đánh giá là được thực hiện “thường xuyên,” cho thấy nhà trường đã có sự quan tâm đáng kể trong việc tổ chức và thực hiện quy trình theo hướng chuẩn hóa. Điều này là yếu tố then chốt để đảm bảo rằng GV được tuyển dụng và bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu chuyên môn và chiến lược phát triển của nhà trường. Nội dung đánh giá thấp nhất “Xây dựng chuẩn chức danh GV dựa trên quy định chung và chiến lược phát triển của nhà trường” (ĐTB: 3,22 - Thỉnh thoảng). Nội dung này có mức độ thực hiện thấp nhất, với ĐTB này cho thấy hoạt động này chỉ được thực hiện “thỉnh thoảng.” Điều này có thể cho thấy nhà trường chưa thật sự chú trọng đến việc xây dựng chuẩn chức danh một cách hệ thống và đều đặn. Kết quả thực hiện chỉ đạt 3,18, tương đương mức “trung bình,” cho thấy hiệu quả của việc xây dựng chuẩn chức danh chưa cao. Điều này có thể bắt nguồn từ việc thiếu các hướng dẫn cụ thể hoặc sự chậm trễ trong việc cập nhật các tiêu chí mới phù hợp với sự thay đổi của ngành điều dưỡng.

Từ các phân tích trên, có thể rút ra nhận định sau: Trường CĐBK Tây Nguyên đã đạt được những kết quả tích cực trong việc quản lý đội ngũ GV trong HĐĐT điều dưỡng viên, đặc biệt là trong việc phổ biến các chuẩn mực và tổ chức thực hiện quy trình tuyển dụng và bồi dưỡng GV. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong việc xây dựng chuẩn chức danh và kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các quy trình. Việc cải thiện các khía cạnh này sẽ giúp nâng cao chất lượng đội ngũ GV, từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng viên của trường.

3.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học của giảng viên

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý hoạt động dạy học của GV

TT	Quản lý hoạt động dạy học	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng tiêu chí thực hiện hoạt động dạy học; bao gồm tiêu chí về tổ chức giảng dạy, biên soạn bài giảng, học liệu, phương pháp giảng dạy tích cực, vận dụng vào hoạt động thực tế.	4,07	0,654	3,67	0,674
2	Xây dựng quy trình, kế hoạch thực hiện hoạt động dạy học.	3,89	0,647	3,73	0,688
3	Tổ chức bồi dưỡng cán bộ thực hiện quản lý hoạt động dạy học.	3,87	0,625	3,87	0,625
4	Tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy trình, kế hoạch thực hiện quản lý hoạt động dạy học	3,11	0,383	3,11	0,487
5	Giám sát, đánh giá việc thực hiện quy trình, kế hoạch thực hiện hoạt động dạy học.	3,69	0,701	3,60	0,751

Quản lý hoạt động dạy học tại trường CĐBK Tây Nguyên thể hiện một số hoạt động đạt hiệu quả tốt (bảng 3), với ĐTB trong khoảng từ 3,11 đến 4,07. Tuy nhiên, có sự khác biệt rõ rệt giữa các hoạt động, cho thấy những hoạt động quản lý cần được cải thiện để đạt được hiệu quả cao hơn trong việc nâng cao chất lượng dạy học. Nội dung “Xây dựng tiêu chí thực hiện hoạt động dạy học” (ĐTB: 4,07 - Thường xuyên) Số liệu này cho thấy rằng trường đã nỗ lực trong việc xác định các tiêu chí rõ ràng cho hoạt động dạy học, bao gồm tổ chức giảng dạy, biên soạn bài giảng và vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào thực tế. Tuy nhiên, kết quả thực hiện đạt 3,67, mức “khá,” cho thấy còn tồn tại một số điểm cần cải thiện trong việc áp dụng tiêu chí vào thực tế giảng dạy. Tiếp theo nội dung cũng được đánh giá cao là “Xây dựng quy trình, kế hoạch thực hiện hoạt động dạy học” (ĐTB: 3,89 - Thường xuyên). Như vậy, hoạt động xây dựng quy trình và kế hoạch dạy học đã được nhà trường thực hiện quy trình này một cách nhất quán. Kết quả thực hiện đạt 3,73, mức “khá,” cho thấy rằng kế hoạch dạy học đã được thực hiện tương đối hiệu quả, nhưng vẫn cần thêm sự tập trung vào việc thực hiện kế hoạch. Ngoài ra, trường CĐBK Tây Nguyên cũng đã thực hiện thường xuyên và khá tốt các công việc như: “Tổ chức bồi dưỡng cán bộ thực hiện quản lý hoạt động dạy học (ĐTB: 3,87 - Thường xuyên); “Giám sát, đánh giá việc thực hiện quy trình, kế hoạch dạy học” (ĐTB: 3,69 - Thường xuyên).

Tuy nhiên, việc “Tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy trình, kế hoạch quản lý hoạt động dạy học” (ĐTB: 3,11 - Thỉnh thoảng) đạt ĐTB thấp nhất là 3,11, cho thấy rằng việc tổ chức thực hiện quy trình này chỉ diễn ra “thỉnh thoảng.” Điều này có thể phản ánh sự thiếu hụt trong việc lãnh đạo và chỉ đạo, dẫn đến việc quy trình không được triển khai hiệu quả trong thực tế.

3.4. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý hoạt động học tập của SV

TT	Quản lý hoạt động học tập	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng tiêu chí quản lý hoạt động học của SV như: tiêu chí về thực hiện giờ giấc lên lớp, chuẩn bị bài, xây dựng kế hoạch học tập.	4,11	0,647	3,71	0,695
2	Xây dựng quy trình, kế hoạch quản lý hoạt động học của SV.	3,84	0,767	3,69	0,793
3	Xác định bộ phận chuyên trách và các đơn vị, tổ chức đoàn thể phối hợp, phân công nhiệm vụ quản lý hoạt động học tập của SV cho bộ phận chuyên trách tham mưu và triển khai thực hiện.	3,80	0,786	3,80	0,786
4	Chỉ đạo thực hiện phổ biến quy chế, quy định, chế độ chính sách, chương trình đào tạo, kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo cho SV.	3,00	0,564	3,07	0,539
5	Chỉ đạo hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập của SV bao gồm cả kế hoạch trên lớp, tự học và các hoạt động ngoài giờ lên lớp...	3,64	0,802	3,56	0,841
6	Chỉ đạo các lực lượng giám sát, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ SV thực hiện kế hoạch học tập của mình.	3,82	0,614	3,73	0,654
7	Chỉ đạo hoạt động học trên lớp và tự học của SV theo hướng phát triển năng lực.	3,91	0,557	3,64	0,645
8	Giám sát, đánh giá việc thực hiện quy trình, kế hoạch thực hiện hoạt động học của SV.	3,89	0,775	3,89	0,682

Hoạt động quản lý học tập của SV tại Trường CĐBK Tây Nguyên cho thấy sự quan tâm đáng kể từ phía nhà trường, với ĐTB từ 3,00 đến 4,11. Các chỉ số tại bảng 4 cho thấy hoạt động quản lý đang hoạt động tương đối hiệu quả, tuy nhiên vẫn còn những lĩnh vực cần chú trọng hơn nữa để nâng cao chất lượng học tập của SV. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng tiêu chí quản lý hoạt động học của SV (ĐTB: 4,11 - Thường xuyên). Số liệu cho thấy trường đã tạo ra các tiêu chí rõ ràng về giờ giấc lên lớp, chuẩn bị bài và kế hoạch học tập. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chỉ đạt 3,71, mức “khá,” cho thấy rằng việc áp dụng các tiêu chí này trong thực tế chưa đạt được hiệu quả tối ưu. Nội dung cũng được đánh giá ở mức cao là “Giám sát, đánh giá việc thực hiện quy trình, kế hoạch thực hiện hoạt động học của SV” (ĐTB: 3,89 - Thường xuyên). Như vậy nhà trường đã có nỗ lực trong việc theo dõi hoạt động học tập của SV. Cả hai kết quả thực hiện đều đạt 3,89, mức “khá,” tuy nhiên, cần tăng cường các biện pháp giám sát để đảm bảo SV thực hiện đầy đủ và hiệu quả kế hoạch học tập. Nội dung “Chỉ đạo hoạt động học trên lớp và tự học của SV” (ĐTB: 3,91 - Thường xuyên) còn kết quả thực hiện đạt 3,64, cho thấy rằng các biện pháp chỉ đạo đã được thực hiện nhưng vẫn cần sự cải tiến trong việc phát triển năng lực tự học của SV.

Bên cạnh đó, trường CĐBK Tây Nguyên đã thực hiện thường xuyên và khá tốt các công tác như: “Xây dựng quy trình, kế hoạch quản lý hoạt động học của SV (ĐTB: 3,84 - Thường xuyên); “Chỉ đạo các lực lượng giám sát, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ SV thực hiện kế hoạch học tập của mình” (ĐTB: 3,82 - Thường xuyên); “Xác định bộ phận chuyên trách và các đơn vị phối hợp quản lý hoạt động học tập của SV” (ĐTB: 3,80 - Thường xuyên); “Chỉ đạo hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập của SV” (ĐTB: 3,64 - Thường xuyên). Tuy nhiên, công tác “Chỉ đạo thực hiện phổ biến quy chế, quy định, chế độ chính sách cho SV” (ĐTB: 3,00) chỉ đạt mức “thỉnh thoảng.” Kết quả thực hiện đạt 3,07 cho thấy việc thông tin về quy định và chính sách chưa được thực hiện thường xuyên, có thể dẫn đến việc SV chưa nắm rõ các quy định quan trọng.

Tổng quan về thực trạng quản lý hoạt động học tập của SV điều dưỡng cho thấy Trường CĐBK Tây Nguyên đã có những bước tiến đáng kể, tuy nhiên vẫn cần cải thiện nhiều mặt. Việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động học tập sẽ không chỉ giúp SV đạt được mục tiêu học tập mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Để đạt được điều này, trường cần chú trọng vào việc phổ biến quy chế, quy định một cách thường xuyên hơn, đồng thời tăng cường hỗ trợ và giám sát SV trong quá trình học tập.

3.5. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý cơ sở vật chất

Stt	Quản lý cơ sở vật chất	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng các tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thí nghiệm, các mô hình/cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	4,07	0,618	4,20	0,625
2	Xây dựng quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên.	3,69	0,633	3,58	0,657
3	Tổ chức bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên.	3,31	0,468	3,22	0,420
4	Tổ chức, chỉ đạo thực hiện đúng quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên.	3,27	0,618	3,38	0,490
5	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên.	3,09	0,596	3,49	0,589

Dựa trên bảng 5, quản lý cơ sở vật chất trong HĐĐT điều dưỡng viên được thực hiện ở mức độ từ 3,09 đến 4,07, và kết quả thực hiện dao động từ 3,22 đến 4,20. Điều này cho thấy có sự khác biệt trong việc tổ chức, quản lý, và kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất tại trường.

“Xây dựng các tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thí nghiệm, các mô hình/cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo” (ĐTB: 4,07 - Thường xuyên). Hoạt động này cho thấy việc xây dựng tiêu chí cơ sở vật chất được thực hiện “thường xuyên.” Đây là một phần quan trọng của công tác quản lý, giúp đảm bảo rằng các trang thiết bị, cơ sở thực hành và thí nghiệm đáp ứng được các yêu cầu đào tạo của chương trình. Kết quả thực hiện đạt 4,20, tiệm cận với mức “tốt,” chứng tỏ rằng các tiêu chí này đã được thực hiện hiệu quả và mang lại kết quả tích cực cho HĐĐT. Sự thành công này có thể là do nhà trường đã chú trọng đầu tư vào việc xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất cần thiết cho việc giảng dạy.

“Xây dựng quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên (ĐTB: 3,69 - Thường xuyên). Số liệu cho thấy hoạt động xây dựng quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất được thực hiện “thường xuyên.” Điều này cho thấy sự chú trọng của nhà trường trong việc đảm bảo rằng cơ sở vật chất được quản lý một cách hợp lý và sử dụng hiệu quả. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chỉ đạt 3,58, cho thấy vẫn có không gian cải thiện. Một phần nguyên nhân có thể là do quy trình chưa được thực hiện đầy đủ hoặc chưa sát sao trong việc theo dõi và giám sát việc sử dụng cơ sở vật chất.

“ Tổ chức bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên (ĐTB: 3,31 - Thịnh thoảng). ĐTB cho thấy hoạt động này chỉ được thực hiện “thỉnh thoảng.” Điều này có thể là do nhà trường chưa có chương trình bồi dưỡng cán bộ thường xuyên và liên tục về quản lý và sử dụng cơ sở vật chất. Kết quả thực hiện đạt 3,22, mức “trung bình,” phản ánh rằng quá trình bồi dưỡng này chưa đạt được hiệu quả cao. Một phần nguyên nhân có thể là do chương trình bồi dưỡng chưa được xây dựng phù hợp với nhu cầu thực tế hoặc thiếu các nguồn lực cần thiết để triển khai.

“ Tổ chức, chỉ đạo thực hiện đúng quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên (ĐTB: 3,27 - Thịnh thoảng). Hoạt động này cũng chỉ được thực hiện “thỉnh thoảng,” cho thấy việc chỉ đạo thực hiện quy trình quản lý cơ sở vật chất chưa được triển khai đều đặn. Điều này có thể gây ra sự bất cập trong việc quản lý và sử dụng tài nguyên của trường. Kết quả thực hiện đạt 3,38, tương ứng với mức “trung bình,” phản ánh rằng việc thực hiện quy trình chưa đạt được hiệu quả cao, có thể do thiếu sự kiểm tra giám sát hoặc hướng dẫn cụ thể từ phía CBQL.

Từ phân tích trên, có thể thấy rằng Trường CĐBK Tây Nguyên đã đạt được một số kết quả tích cực trong việc quản lý cơ sở vật chất, đặc biệt là trong việc xây dựng các tiêu chí cơ sở vật chất và quy trình quản lý. Tuy nhiên, một số hoạt động như bồi dưỡng cán bộ và kiểm tra, đánh giá cần được cải thiện để nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất. Việc đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ và tăng cường giám sát, kiểm tra sẽ là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo điều dưỡng viên.

3.6. Thực trạng quản lý tài chính

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý tài chính

Stt	Quản lý tài chính	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách các nguồn thu, chi trong HĐĐT điều dưỡng viên.	3,47	0,757	3,64	0,645
2	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách các nguồn thu, chi trong HĐĐT điều dưỡng viên.	3,89	0,714	3,85	0,682
3	Chỉ đạo thực hiện các nguồn thu, chi đảm bảo thời gian, tiến độ theo kế hoạch.	4,20	0,548	3,44	0,546
4	Tổ chức công khai, minh bạch trong các nguồn thu, chi trong HĐĐT điều dưỡng viên.	3,27	0,618	3,09	0,596
5	Kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính phục vụ HĐĐT điều dưỡng viên.	3,67	0,477	4,02	0,543

Bảng 6 cho thấy mức độ thực hiện các hoạt động này dao động từ 3,27 đến 4,20, cho thấy các nội dung khảo sát không đồng đều về mức độ đánh giá (từ trung bình đến khá).

“Chỉ đạo thực hiện các nguồn thu, chi đảm bảo thời gian, tiến độ theo kế hoạch (ĐTB: 4,20 - Thường xuyên). Việc chỉ đạo thực hiện các nguồn thu, chi được thực hiện “thường xuyên.” Đây là một yếu tố quan trọng giúp đảm bảo rằng các hoạt động tài chính diễn ra đúng tiến độ và kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chỉ đạt 3,44, tiệm cận mức “trung bình,” cho thấy rằng việc thực hiện các nguồn thu, chi chưa đạt hiệu quả tối đa, có thể do thiếu sự giám sát hoặc các biện pháp thúc đẩy thực hiện kế hoạch.

“Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách các nguồn thu, chi trong HĐĐT điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,89 - Thường xuyên). Hoạt động chỉ đạo thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách được thực hiện “thường xuyên.” Điều này cho thấy sự chú trọng của CBQL trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính. Kết quả thực hiện đạt 3,85, mức “khá,” chứng tỏ rằng quá trình thực hiện kế hoạch tài chính có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và nghiêm túc từ phía quản lý.

“Kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính phục vụ HĐĐT điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,67 - Thường xuyên). Số liệu cho thấy rằng hoạt động này được thực hiện “thường xuyên.” Kết quả thực hiện ở mức 4,02, cho thấy rằng việc kiểm tra, giám sát đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc đảm bảo tính minh bạch và đúng đắn trong các hoạt động tài chính.

“Tổ chức công khai, minh bạch trong các nguồn thu, chi trong HĐĐT điều dưỡng viên” (ĐTB: 3,27 - Thịnh thoảng). Số liệu cho thấy hoạt động này chỉ được thực hiện “thịnh thoảng.” Kết quả thực hiện chỉ đạt 3,09, mức “trung bình,” cho thấy rằng việc tổ chức công khai và minh bạch chưa được quan tâm đúng mức, điều này có thể dẫn đến sự nghi ngờ hoặc thiếu tin tưởng từ phía cán bộ và GV trong việc quản lý tài chính.

Từ phân tích trên, có thể thấy rằng trường CĐBK Tây Nguyên đã thực hiện nhiều hoạt động quản lý tài chính trong HĐĐT điều dưỡng viên ở mức độ khác nhau. Trong khi một số hoạt động, như chỉ đạo thực hiện kế hoạch và kiểm tra giám sát, đạt kết quả khả quan, thì các hoạt động như lập kế hoạch tài chính và công khai, minh bạch cần được cải thiện. Việc chú trọng vào công tác lập kế hoạch và tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính sẽ giúp nâng cao hiệu quả HĐĐT và tạo sự tin tưởng từ phía cán bộ, GV trong trường.

3.7. Thực trạng quản lý tuyển sinh

Bảng 7. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý tuyển sinh

Stt	Quản lý tuyển sinh	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của nhà trường theo hướng chuẩn hóa với quy định chung, phù hợp với ngành đào tạo và thực tế địa phương.	4,27	0,539	4,13	0,457
2	Xây dựng quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh theo hướng tiếp cận người học.	4,07	0,654	3,98	0,583
3	Phổ biến, giúp GV, SV thông hiểu thông tin về chính sách, chiến lược của nhà trường; về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, chế độ chính sách đối với ngành học.	4,11	0,714	4,11	0,714
4	Tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh.	3,89	0,532	3,67	0,640
5	Giám sát, đo lường, đánh giá thực hiện quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh đáp ứng yêu cầu của HĐĐT điều dưỡng viên.	2,82	0,716	3,31	0,668

Dựa vào bảng 7, quản lý tuyển sinh tại trường CĐBK Tây Nguyên đạt được một số kết quả khả quan, với ĐTB trong các hoạt động dao động từ 2,82 đến 4,27. Mặc dù có một số hoạt động được thực hiện khá tốt, nhưng vẫn còn những điểm yếu cần được cải thiện, đặc biệt là trong giám sát và đánh giá quy trình tuyển sinh.

“Xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của nhà trường theo hướng chuẩn hóa (ĐTB: 4,27 - Rất thường xuyên). Hoạt động xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đạt ĐTB cao nhất, cho thấy rằng trường đã thực hiện tốt việc xác định ngưỡng đầu vào phù hợp với quy định và thực tế địa phương. Kết quả thực hiện đạt 4,13, ở mức “khá,” cho thấy rằng hoạt động này được quan tâm và triển khai đồng bộ, đóng góp tích cực vào chất lượng đầu vào của SV.

“Phổ biến thông tin về chính sách, chiến lược của nhà trường (ĐTB: 4,11 - Thường xuyên). Nhà trường đã nỗ lực trong việc giúp GV và SV hiểu rõ các chính sách và chiến lược của nhà trường liên quan đến tuyển sinh. Kết quả thực hiện cũng đạt 4,11, mức “khá,” cho thấy sự đồng bộ trong việc truyền đạt thông tin.

“Xây dựng quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh (ĐTB: 4,07 - Thường xuyên). Hoạt động này cũng đạt được kết quả tốt. Trường đã xây dựng quy trình hiệu quả trong việc tuyển truyền, quảng bá hình ảnh và tư vấn tuyển sinh, điều này giúp thu hút nhiều học sinh. Kết quả thực hiện đạt 3,98, mức “khá,” cho thấy rằng việc tuyển truyền đã có hiệu ứng tích cực đến người học.

“Tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh” (ĐTB: 3,89 - Thường xuyên). Dù đạt kết quả khả quan, nhưng điểm này có sự khác biệt so với các hoạt động trên, cho thấy rằng việc tổ chức thực hiện cần được cải thiện để đạt hiệu quả cao hơn trong việc thu hút học sinh.

“Giám sát, đo lường, đánh giá thực hiện quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh” (ĐTB: 2,82 - Thịnh thoảng). Số liệu cho thấy rằng hoạt động này chỉ được thực hiện “thịnh thoảng.” Kết quả thực hiện đạt 3,31, mức “trung bình,” phản ánh rằng sự thiếu hụt trong công tác giám sát có thể dẫn đến việc không phát hiện kịp thời những vấn đề hoặc thiếu sót trong quy trình tuyển sinh. Điều này cần được khắc phục để nâng cao tính hiệu quả của quy trình tuyển sinh.

Từ phân tích trên, có thể thấy rằng trường CĐBK Tây Nguyên đã thực hiện nhiều hoạt động quản lý tuyển sinh đạt kết quả khả quan, đặc biệt là trong việc xác định chất lượng đầu vào và tuyển truyền hình ảnh nhà

trường. Tuy nhiên, cần cải thiện hơn nữa trong công tác giám sát và đánh giá các hoạt động tuyển sinh để đảm bảo sự hiệu quả và minh bạch trong quy trình này. Tăng cường công tác giám sát và đánh giá sẽ giúp trường nâng cao chất lượng tuyển sinh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và yêu cầu của ngành đào tạo.

4. KẾT LUẬN

Bài viết đã phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý HĐĐT điều dưỡng viên ở trường CĐBK Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu đã làm rõ nhiều vấn đề về: quản lý nội dung, chương trình đào tạo; quản lý đội ngũ giảng viên; quản lý hoạt động dạy học của giảng viên; quản lý hoạt động học tập của sinh viên; quản lý cơ sở vật chất; quản lý tài chính; quản lý tuyển sinh. Kết quả cho thấy, nhà trường có đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, được đào tạo chuyên sâu và thường xuyên tham gia các khóa bồi dưỡng để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo chất lượng giảng dạy; thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều cơ sở y tế và doanh nghiệp, giúp SV có cơ hội thực hành và tiếp cận thực tế nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập; đã xây dựng hệ thống quản lý chặt chẽ trong việc kiểm tra và đánh giá chất lượng đào tạo, từ đó đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong quá trình giảng dạy; thường xuyên thu thập phản hồi từ SV và cựu SV để cải tiến chương trình đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu và mong muốn của SV sau khi tốt nghiệp; đã có những nỗ lực đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực hành; duy trì công tác kiểm tra và giám sát chất lượng đào tạo thường xuyên, qua đó kịp thời phát hiện và khắc phục những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo; đã triển khai các chương trình hỗ trợ SV tốt nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, giúp SV có thông tin đầy đủ về cơ hội nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Việc xây dựng chuẩn chức danh GV tại nhà trường chỉ được thực hiện thỉnh thoảng, với kết quả đánh giá không cao; hoạt động tổ chức bồi dưỡng cán bộ trong việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất cũng chỉ được thỉnh thoảng triển khai; việc chỉ đạo thực hiện quy trình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất tại trường chưa được tổ chức đều đặn, chỉ diễn ra thỉnh thoảng; hoạt động giám sát và đánh giá quy trình tuyển truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường và tư vấn tuyển sinh đạt mức đánh giá thấp, cho thấy hoạt động này chưa được thực hiện đầy đủ; quy trình tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động dạy học chỉ được triển khai thỉnh thoảng, với đánh giá mức trung bình; quản lý kiểm tra và đánh giá hoạt động thực tập của SV cũng chỉ đạt mức trung bình và thực hiện thỉnh thoảng. Điều này cho thấy SV chưa nhận được đủ sự quan tâm và hỗ trợ cần thiết trong việc kiểm tra và đánh giá kết quả thực tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế. (2011). *Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 01 năm 2011 hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Phí, T. N. T. (2010). *Nghiên cứu về thái độ đối với lâm sàng của học sinh, sinh viên điều dưỡng và đề xuất các giải pháp can thiệp* (Luận án tiến sĩ, Y tế công cộng).

The current state of management in nursing training activities at Tay Nguyen polytechnic college

Nguyễn Thị Tường Vy

Tay Nguyen Polytechnic College

ARTICLE INFO

Article history:

Received 29 September 2024

Received in revised form 11 December 2024

Accepted 12 December 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Management

Training activities

Nursing training management

College.

Corresponding author:

Nguyễn Thị Tường Vy

E-mail address:

tuongvy69089@gmail.com

ABSTRACT

Training is one of the two core missions of colleges and universities. Moreover, only by innovating training management can the quality of training be improved. Through training management, the implementation of training objectives, as well as national policies and guidelines, can be effectively carried out. This article presents the current state of training management for nursing students at Tay Nguyen Polytechnic College. The primary research method involved a survey of opinions from 10 administrative staff and 35 lecturers. The findings indicate that the management of nursing training activities at Tay Nguyen Polytechnic College has achieved certain results. However, the effectiveness of management efforts still faces significant limitations and shortcomings. Studying the current situation provides an important basis for proposing management measures to enhance the effectiveness of nursing training activities at the institution.
